

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2018-2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 6

(Từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 13/6/2018 của UBND Thành phố về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2018-2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2018-2019

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội; Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2018-2019.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học mầm non, học sinh tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); học sinh tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội; sinh viên tại Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long và Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội; Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long và Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội.

3. Học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2018-2019

a) Mức thu học phí

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh

| Bậc học: Nhà trẻ; Mẫu giáo; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Giáo dục thường xuyên cấp THCS; Giáo dục thường xuyên cấp THPT | Mức thu học phí năm học 2018 - 2019 |
|---|--|
| Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn) | 155.000 |
| Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi) | 75.000 |
| Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi | 19.000 |

b) Sử dụng số tăng thu học phí

Số tăng thu học phí (*chênh lệch giữa mức thu học phí năm học 2018-2019 với mức thu học phí năm học 2017-2018*): Một phần để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại để chi sự nghiệp giáo dục hàng năm.

4. Mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2018-2019

Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên

| TT | Nhóm ngành, nghề | Mức thu học phí năm học 2018-2019 |
|-----------|---|--|
| I | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long | |
| 1 | Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản. | 900.000 |
| 2 | Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch. | 900.000 |
| II | Trường Trung cấp Kỹ thuật tin học Hà Nội | |
| 1 | Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản. | 750.000 |
| 2 | Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch. | 800.000 |

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí năm học 2018- 2019 và các năm tiếp theo để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, không để xảy ra việc lạm thu và tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định của các trường; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

3. Trình Hội đồng nhân dân Thành phố mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo theo nguyên tắc học phí hàng năm sẽ được điều chỉnh tăng dần trong khung quy định; đến năm học 2020-2021 mức thu học phí sẽ bằng mức cao nhất trong khung quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ đối với vùng thành thị, nông thôn và bằng 50% mức cao nhất trong khung quy định đối với vùng miền núi.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

2. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Năm học 2018-2019.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT *VT*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc